

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT

Ngày: 05-01-2023

“V/v Tranh chấp dân sự-

Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Khắc Thịnh;

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Minh Tùng

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05-01-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 11 tháng 07 năm 2022 của Tòa án nhân dân Huyện T bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 352/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 467/2022/QĐ-PT ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ Y, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà XX, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà XX, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà XX, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Người kháng nghị:* Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ Y trình bày:

Vào ngày 10/7/2020 dương lịch, chị Nguyễn Thị Mỹ Y và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận vay tài sản số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), mục đích để

anh T cho khách hàng mượn tiền chốt hợp đồng mua bảo hiểm nhân thọ với anh T, theo đó cùng ngày chị Y đã giao tiền vay cho anh T. Đồng thời, giữa hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 3%/tháng và về thời hạn trả nợ là 01 tuần kể từ ngày vay.

Tiếp theo, vào ngày 14/7/2020 dương lịch, chị Nguyễn Thị Mỹ Y và anh Nguyễn Văn T thỏa thuận vay tài sản số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), mục đích để anh T cho khách hàng mượn tiền chốt hợp đồng mua bảo hiểm với anh T, theo đó cùng ngày chị Y đã giao tiền vay cho anh T. Đồng thời, giữa hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất vay là 3%/tháng và về thời hạn trả nợ là 01 tuần kể từ ngày vay.

Từ ngày 14/7/2020 đến nay, anh T không có trả cho chị Y được số tiền vốn mà có trả 05 tháng tiền lãi (từ ngày 14/7/2020 đến ngày 14/12/2020) với số tiền là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Từ ngày 14/12/2020 đến nay, chị Y nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền nợ nhưng anh T không thực hiện.

Từ khi chị Y xác lập hợp đồng vay tiền với anh T đến nay, chị Y và anh Nguyễn Thanh T1 là vợ chồng hợp pháp, việc chị cho anh T vay tiền thì anh T1 có biết và cùng thống nhất với chị cho anh T vay tiền.

Theo nội dung đơn khởi kiện, chị Y yêu cầu anh T có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 14/12/2020 đến ngày 20/5/2021 là 6.043.000 đồng, tổng cộng là 76.043.000 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi anh T thanh toán xong.

Tại phiên tòa, chị Y yêu cầu anh T có trách nhiệm trả số tiền vay gốc còn nợ là 65.310.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 15/01/2021 đến ngày 11/7/2022 là 19.510.000 đồng, tổng cộng là 84.820.000 đồng.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T1 trình bày:*

Anh T1 và chị Nguyễn Thị Mỹ Y là vợ chồng hợp pháp. Việc chị Y cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) thì anh T1 có biết và anh T1 đã cùng bàn bạc thống nhất với chị Y cho anh T vay số tiền này để anh T cho khách hàng vay lại với mục đích chốt hợp đồng mua bán bảo hiểm với anh T.

Nay anh T1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị Y.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T không có văn bản ghi ý kiến về việc chị Y yêu cầu có trách nhiệm trả tiền vay, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

**- Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ Y.

Buộc anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho chị Y số tiền 59.500.000 đồng.

Án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.975.000 đồng.

Trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.901.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001406 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quyết định kháng nghị phần án phí dân sự sơ thẩm;

**- Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến: Về việc thay đổi nội dung kháng nghị đối với phần án phí dân sự sơ thẩm.

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng nghị sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc tính án phí đối với phần tiền vay mà nguyên đơn không được chấp nhận.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp dân sự- Hợp đồng vay tài sản” phù hợp với quy định tại điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không có kháng cáo. Tuy nhiên, Viện trưởng Viện Kiểm Sát T có kháng nghị một phần bản án sơ thẩm phù hợp với quy định tại điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm Sát T về việc Tòa án cấp sơ thẩm không tính án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tiền mà nguyên đơn không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: căn cứ vào khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội có quy định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; cụ thể như sau: “4. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận...”. Trong vụ án này, nguyên đơn là chị Y khởi kiện đối với anh T về số tiền vay là 70.000.000đ, Tòa sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của chị Y: buộc anh T trả cho chị Y số tiền là 59.500.000đ. Như vậy, số tiền chị Y yêu cầu không được chấp nhận là 10.500.000đ. Như vậy, chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận của số tiền 10.500.000. Do đó, việc kháng nghị của Viện Kiểm

Sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Sửa một phần bản án sơ thẩm về việc tính án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của chị Y không được chấp nhận.

Các phần còn lại của vụ án không bị kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát T đối với phần án phí dân sự sơ thẩm;

2. Sửa một phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2022/DS-ST ngày 11/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ Y.

Buộc anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho chị Yến số tiền 59.500.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **Về án phí:**

Buộc anh Nguyễn Văn T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.975.000 đồng.

Chị Y phải chịu 525.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.901.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001406 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Y còn được nhận lại 1.376.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lê Khắc Thịnh**